

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh
Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi
trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa tại văn bản số
153 ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ
sở “Khai thác và sản xuất nước khoáng Đánh Thạnh” tại thôn Cây Sung, xã Diên
Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
598.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 28...tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa, địa chỉ thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác và sản xuất nước khoáng Đánh Thạnh” tại thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác và sản xuất nước khoáng Đánh Thạnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 4200283916 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 7 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 4200283916

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên và nước giải khát đóng chai.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích cơ sở: 325.265 m².

- Quy mô: Cơ sở có quy mô tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Khai thác nước khoáng: 500 m³/ngày.đêm;

+ 01 dây chuyền sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga – Line thủy tinh, công suất 8.538.198 lít/năm;

+ 01 dây chuyền sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga – Line KHS, công suất 10.403.664 lít/năm;

+ 01 dây chuyền sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga - Line Bình 19L, công suất 18.760.534 lít/năm;

+ 01 dây chuyền sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga - Line PET, công suất 8.002.447 lít/năm;

+ 01 dây chuyền sản xuất nước giải khát có ga, không ga - Line CAN, công suất 2.793.127 lít/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm

theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Diên Tân.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh, UBND xã Diên Tân nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Tân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..298.../GPMT-UBND ngày 31. tháng 01. năm 2024. của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất do vệ sinh nhà xưởng, rửa bình từ phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga - Line Bình 19L.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất do vệ sinh nhà xưởng, rửa chai, bình từ: phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga – Line PET; phân xưởng sản xuất nước giải khát có ga, không ga - Line CAN; phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga – Line KHS.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất do vệ sinh nhà xưởng, rửa chai từ phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga – Line thủy tinh.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh xả cặn đáy bồn chứa nước phục vụ cho lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Cây Sung nằm phía Nam cơ sở, thuộc thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được bơm dẫn theo đường ống chảy về suối Cây Sung nằm phía Nam cơ sở, thuộc thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 1353138$; $Y(m) = 582326$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/l	5,5-9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	99		
3	COD	mg/l	148.5		
4	BOD ₅	mg/l	49.5		
5	Amoni	mg/l	9.9		
6	Tổng N	mg/l	39.6		
7	Tổng P	mg/l	5.94		
8	Clo dư	mg/l	1.98		
9	Asen	mg/l	0.099		
10	Chì	mg/l	0.495		
11	Thủy ngân	mg/l	0.0099		
12	Cadimi	mg/l	0.099		
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9.9		
14	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và cho tự thấm.

- Nguồn số 02, 03, 04, 05 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bồn trung gian → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit (H₂SO₄), Xút vảy NaOH, Clorin bột, Hóa chất xử lý nước thải PAC 31% dạng bột, Hóa chất xử lý nước thải Polymer Cation 1492

hạt rắn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Đào tạo nhân viên vận hành có kinh nghiệm, được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện, quản lý tốt chương trình quan trắc định kỳ.

- Khi hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn sẽ được bơm về bể điều hòa có kích thước (3 x 2,9 x 2,8 m) + (5,7 x 2,7 x 2,8 m) với tổng thể tích 67,8m³; đồng thời giảm công suất hoạt động tại các dây chuyền hoạt động sản xuất để giảm lượng nước thải phát sinh. Sau đó, tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống xử lý nước thải khắc phục sự cố và bơm nước thải từ bể điều hòa trở về lại hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được phép xả nước thải sau khi xử lý ra môi trường khi xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...298../GPMT-UBND ngày 31. tháng 01. năm 2024. của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 5 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải : 01 dòng khí thải sau xử lý thoát qua ống khói.

2.1. Vị trí xả khí: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°): X(m) = 1353241; Y(m) = 582277

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 11.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả thải gián đoạn theo thời gian hoạt động hoạt động của lò hơi.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p=1, K_v=1) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1.	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2.	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3.	CO	mg/Nm ³	1000		
4.	NO _x	mg/Nm ³	850		
5.	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải qua đường ống được thu gom về hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon dạng chùm → Bể nước đập bụi → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất xử lý cặn lò hơi BC110

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Theo dõi chặt chẽ quá trình cấp nước lò hơi để đảm bảo lượng nước luôn đủ cho quá trình vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra áp suất hơi trong quá trình vận hành, kiểm tra rò rỉ nước và hơi trên đường ống công nghệ.

- Kiểm tra, bảo dưỡng lò hơi theo định kỳ, cán bộ vận hành lò hơi được đào tạo.

- Khi xảy ra sự cố Chủ cơ sở phối hợp đơn vị tư vấn tiến hành khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất. Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố phải ngưng hoạt động hoàn toàn, khi đó Cơ sở phải ngừng công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải từ lò hơi để tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong mới tiến hành hoạt động sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~298~~.../GPMT-UBND ngày 31. tháng 01.
năm 2024. của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga - Line Bình 19L.

+ Nguồn số 02: phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên không ga - Line PET; phân xưởng sản xuất nước giải khát có ga, không ga - Line CAN; phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga - Line KHS.

+ Nguồn số 03: phân xưởng sản xuất nước khoáng thiên nhiên có ga, nước giải khát có ga - Line thủy tinh.

+ Nguồn số 04: Khu vực lò hơi 5 tấn/giờ.

+ Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1353368.73; Y = 582283.83

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1353339.80; Y = 582290.12

- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1353298.82; Y = 582292.54

- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1353250.71; Y = 582280.03

- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 1353243.95; Y = 582303.10

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..298../GPMT-UBND ngày 31. tháng 01. năm 2024. của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	19,86
2	Dầu thải bôi trơn	17 02 03	77,5
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	2,31
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	2,62
Tổng cộng			102,29

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Nhựa các loại	13.172
2	Giấy các loại	3.385
3	Mảnh chai thủy tinh	157.710
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	250
5	Tro từ đốt trấu nghiền cho lò hơi	120.000
Tổng cộng		294.517

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 43.8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn 50 - 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Tường gạch, nền xi măng, có mái lợp tôn, có biển ghi chú và cảnh báo. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và

vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 269 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, nền xi măng, mái lợp tôn, biển ghi chú và cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Không

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Diện tích: 25 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, nền xi măng, tường bao quanh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. *g.v*



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **298**.../GPMT-UBND ngày **31** tháng **01** năm 202**H**. của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường: Không thay đổi so với phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011, nội dung cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện như sau: Tháo dỡ các đường ống, công trình phụ trợ, trám lấp giếng khoan sau khi chấm dứt hoạt động khai thác.

2. Về kinh phí, thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Khai thác nước khoáng Đánh Thạnh” tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./